

**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64 /QĐ-BCĐCTMTQG

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 3 năm 2007 về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc - Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BCĐCTMTQG (3b). **135**

TRƯỞNG BAN



**PHÓ THỦ TƯỚNG
THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ
Trương Hòa Bình**



**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH
TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN
NÚI GIAI ĐOẠN 2021 – 2030**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

**của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **64/QĐ-BCĐCTMTQG** ngày **08** tháng **7** năm **2021**
của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn; chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 *(sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương)*.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Ban Chỉ đạo Trung ương và các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương.

Điều 2. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương và thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương phân công.

Điều 3. Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương gồm Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và các thành viên

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 1014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương

a) Thay mặt Ban Chỉ đạo Trung ương điều hành các hoạt động thường xuyên trong quá trình chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV (sau đây gọi tắt là Chương trình) và một số nhiệm vụ của Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV (sau đây gọi tắt là Đề án); xử lý các vấn đề phát sinh trong trường hợp không tổ chức họp Ban Chỉ đạo Trung ương;

b) Tổng hợp báo cáo liên quan đến kết quả, tiến độ thực hiện Chương trình và một số nhiệm vụ cụ thể có liên quan trực tiếp tới Đề án để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương và Thủ tướng Chính phủ;

c) Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo Trung ương; tổng hợp và đánh giá kết quả công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo Trung ương;

d) Tổng hợp, đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương xử lý kiến nghị của các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương và các bộ, ngành, cơ quan, địa phương liên quan đến Chương trình và một số nội dung của Đề án.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương được giao tại Điều 2, Điều 3 Quyết định số 1014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương:

a) Chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương;

b) Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương để triển khai tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án;

c) Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương, đồng thời thông báo đến các thành viên Ban chỉ đạo.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc:

a) Giúp việc trực tiếp cho Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương trong thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

b) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung có liên quan của Đề án theo kế hoạch hàng năm và cho từng giai đoạn;

c) Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện Chương trình trong trung hạn và hằng năm;

d) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù trong công tác dân tộc để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình và một số nội dung có liên quan của Đề án;

đ) Theo dõi, kiểm tra, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung có liên quan của Đề án;

e) Thay mặt Ban Chỉ đạo Trung ương xử lý các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo Trung ương có liên quan đến Chương trình và một số nội dung của Đề án theo kế hoạch được phê duyệt và ý kiến chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương;

g) Chủ trì tham mưu tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

2. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương - Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chỉ đạo nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc quản lý chung đối với Chương trình theo quy định về quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp kế hoạch và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương, Thủ tướng Chính phủ.

3. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương - Lãnh đạo Bộ Tài chính:

a) Chỉ đạo nghiên cứu các nội dung liên quan để tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung liên quan của Đề án trong quá trình xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

b) Chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất và xây dựng, ban hành cơ chế quản lý tài chính đặc thù đối với nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án;

c) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo về tổng hợp và bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án theo quy định.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương là lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công; phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù để triển khai thực hiện Chương trình, bảo đảm thống nhất, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực; tránh chồng chéo với các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương thuộc các ban, bộ, ngành, cơ quan liên quan:

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về những nhiệm vụ được phân công; phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương trong

việc tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương phân công;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất, kiến nghị với Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các cơ chế, chính sách liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách để thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án;

c) Chủ động phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương có liên quan để phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện các nội dung công việc có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG

Điều 8. Nguyên tắc làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Ban Chỉ đạo Trung ương chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ trong việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án.

2. Ban Chỉ đạo Trung ương làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; tập thể thảo luận, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, sử dụng bộ máy của các cơ quan để hoạt động.

Điều 9. Cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo

1. Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (*sau đây gọi tắt là Văn phòng điều phối Trung ương*) đặt tại Ủy ban Dân tộc là cơ quan tham mưu giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương trong quản lý, điều phối và tổ chức thực hiện các giải pháp cụ thể của Chương trình và các nội dung có liên quan của Đề án.

2. Tổ chức, bộ máy của Văn phòng điều phối Trung ương sử dụng biên chế được giao của Ủy ban Dân tộc; do Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định thành lập.

3. Văn phòng điều phối Trung ương chịu trách nhiệm chuẩn bị các nội dung liên quan của Chương trình, Đề án và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo Trung ương làm việc thông qua các phiên họp định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương; thông qua lấy ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương bằng văn bản; cụ thể như sau:

a) Nội dung cuộc họp, thành phần tham dự cuộc họp và thời điểm tổ chức cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương quyết định hoặc do Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương quyết định khi được Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương ủy quyền;

b) Cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương phải được thông báo trước ít nhất 03 ngày làm việc bằng văn bản về nội dung, tài liệu kèm theo (nếu có), dự kiến thời gian và địa điểm cụ thể. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo Trung ương khi được triệu tập;

c) Kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương được thể hiện bằng thông báo của Văn phòng Chính phủ;

d) Trường hợp không tổ chức được cuộc họp, có thể thông báo và xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương bằng văn bản;

đ) Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương họp cho ý kiến trong trường hợp còn nhiều ý kiến khác nhau giữa các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương và bộ, ngành, cơ quan, địa phương liên quan về cùng một vấn đề trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án.

2. Ban Chỉ đạo Trung ương hoạt động theo kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để tổ chức thực hiện.

Điều 11. Mối quan hệ công tác

1. Quan hệ công tác giữa các thành viên với Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương: Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương tham gia các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo Trung ương và thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương phân công.

2. Quan hệ công tác giữa các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương: Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án.

3. Quan hệ giữa Ban Chỉ đạo Trung ương, thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Ban Chỉ đạo Trung ương đôn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án;

b) Ban Chỉ đạo Trung ương giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa hoạt động giữa các bộ, ngành trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án;

c) Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và kế hoạch triển khai các dự án thành phần thuộc Chương trình và một số nội dung của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; kịp thời báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về kết quả, tiến độ thực hiện, các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình và một số nội dung của Đề án.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động phối hợp, tạo điều kiện để Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát và triển khai các hoạt động có liên quan đến Chương trình và một số nội dung của Đề án.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương được giao chủ trì các dự án thành phần, tiểu dự án trong dự án thành phần có trách nhiệm báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương (thông qua Văn phòng điều phối Trung ương) định kỳ 6 tháng (chậm nhất là ngày 20 tháng 7 hàng năm) và hàng năm (chậm nhất là ngày 31

tháng 3 năm sau) về kết quả, đánh giá tình hình thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến Chương trình và một số nội dung của Đề án.

3. Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, trên cơ sở đề xuất của các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương và các Phó trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định./.